

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **83/2025/DS-PT**
Ngày 23 - 5 - 2025
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Nhum

Các Thẩm phán: Ông Phạm Tiến Hiệp

Ông Nguyễn Văn Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bảo Yến - Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 31/2025/TLPT-DS ngày 10 tháng 3 năm 2025 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 82/2024/DS-ST ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 69/2025/QĐXXPT-DS ngày 01 tháng 4 năm 2025, Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 27/2025/TB-TA ngày 18 tháng 4 năm 2025 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 17/2025/QĐPT-DS ngày 24 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần S (S); Địa chỉ: 266-268 N, phường V, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng giám đốc (vắng mặt).

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Văn T – Chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh Bình Phước kiêm Trưởng phòng Phòng Giao dịch B (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Võ Văn C, sinh năm 1953. Nơi cư trú cuối cùng: Tổ 3, khu phố 1, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước (đã chết);

- Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông C:

2.1.1. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1963; Nơi cư trú: Số 2, đường B, khu phố 6, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

2.1.2. Anh Vũ Phước V, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Tổ 3, thôn 10, xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận (có mặt);

2.1.3. Chị Võ Thị Thu S, sinh năm 1985; Nơi cư trú: khu phố 1, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước (vắng mặt);

2.1.4. Chị Võ Gia T, sinh năm 2000; Nơi cư trú: Tổ 3, khu phố 1, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).

- *Người đại diện theo ủy quyền của chị T1:* Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1959. Nơi cư trú: Thôn 10, xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận (có mặt).

2.2. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1963; Nơi cư trú: Số 2, đường B, khu phố 6, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà P: Ông Võ Thanh H1, sinh năm 1955. Nơi cư trú: ấp T, xã Phước An, huyện H, tỉnh Bình Phước (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Hoàng Thị Bích T2, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Tổ 6, ấp V, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước (vắng mặt);

3.2. Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1959; Nơi cư trú: Thôn 10, xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận (vắng mặt);

3.3. Bà Lê Thị L, sinh năm 1962; Nơi cư trú: Tổ 6, ấp V, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).

4. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S (S).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 202327150465 ký ngày 28/06/2023 của Ngân hàng Thương mại cổ phần S – Chi nhánh Bình Phước - Phòng Giao dịch Bình Long (gọi tắt là S) được ký kết giữa bên cấp tín dụng là S với bên được cấp tín dụng là ông Võ Văn C và bà Nguyễn Thị P để vay số tiền 3.500.000.000 đồng. Thời hạn vay 12 tháng, thời hạn giấy nhận nợ 06 tháng, khách hàng phải trả lãi hàng tháng theo dư nợ giảm dần, vốn gốc trả cuối kỳ.

Để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ của bên được cấp tín dụng ông Võ Văn C và bà Nguyễn Thị P đã đồng ý thế chấp cho S tài sản là: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số phát hành CV 857000, số vào sổ cấp giấy CS 23295 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 08/07/2020, diện tích 36.979 m² (đất sản xuất phi nông nghiệp+CLN), trong đó HLLG 428.7m², cấp cho ông Võ Văn C đứng tên quyền sử dụng – thửa đất tọa lạc tại khu phố 1, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước và 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số phát hành CV 856928, số vào sổ cấp giấy

CS 23296 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 08/07/2020, diện tích 1.153.2m² (ODT+CL.N), trong đó HLLG là 82.3m² cho hộ ông Võ Văn C đứng tên quyền sử dụng, tọa lạc tại khu phố 1, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

Theo hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ thì ông Võ Văn C và bà Nguyễn Thị P nợ S tính đến thời điểm S khởi kiện là 3.500.000.000 đồng nợ gốc và 25.357.111 đồng lãi quá hạn. Tính đến thời điểm ngày 30/10/2024 (ngày xét xử) ông C, bà P còn nợ của S 3.500.000.000 đồng nợ gốc và 426.594.398 đồng tiền lãi.

Hiện nay ông C đã chết nên S yêu cầu bà Nguyễn Thị P và những người con của ông C là Vũ Phước V, Võ Thị Thu S, Võ Gia T là những người kế thừa nghĩa vụ của ông C cùng liên đới trả cho S toàn bộ số nợ và các khoản lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ. Nếu trường hợp không trả được nợ cho S thì S được quyền yêu cầu xử lý đối với tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ theo quy định.

Bị đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:

Bà P và ông C kết hôn năm 2011, sau khi kết hôn thì ông bà không có con chung. Ngày 28/6/2023, bà P và ông C có trả nợ cho S số tiền đã vay và tiếp tục ký hợp đồng vay mới với số tiền vay là 3.500.000.000 đồng, việc vay này thực chất là thực hiện việc đáo hạn lại cho S mục đích là để gia hạn thêm thời gian vay với số tiền đã vay trước đó bằng hình thức là ký hợp đồng mới. Mục đích vay là để ông C trả nợ và bổ sung thêm vốn làm ăn.

Nay S khởi kiện yêu cầu ông C và bà P trả số tiền đã vay theo như trong đơn khởi kiện và các khoản lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ thì bà P đồng ý trả. Do điều kiện về kinh tế không có nên bà P yêu cầu S xử lý phần tài sản đã thế chấp để thanh toán nợ theo quy định, sau khi thanh toán xong số nợ cho S nếu tài sản thế chấp còn lại thì giao lại cho những người thừa kế của ông C để trả các khoản nợ khác khi có yêu cầu.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Vũ Phước V trình bày:

Anh V là con đẻ của ông Võ Văn C, hiện nay ông C đã chết. Thời điểm ông C vay S thì anh V không biết, sau này khi ông C bệnh thì có nói đến việc ông C vay S số tiền 3.500.000.000 đồng. Sau khi ông C chết thì S có liên hệ với gia đình để thực hiện việc trả nợ nhưng đến nay gia đình vẫn chưa trả được. Đối với khoản nợ của S, anh V cùng gia đình đồng ý trả nợ và yêu cầu bà P cũng có nghĩa vụ trong việc trả nợ cho S. Thời điểm vay thì ông C và bà P là vợ chồng vay S, sau khi vay xong thì số tiền này bà P và ông C cùng đầu tư làm ăn thế nào thì anh V không biết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị Thu S trình bày:

Chị S là con của ông Võ Văn C, hiện nay ông C đã chết. Thời điểm ông C vay S thì chị S không biết, sau này khi ông C bệnh thì ông C có nói đến việc có vay của S số tiền 3.500.000.000 đồng. Sau khi ông C chết thì S có liên hệ với gia đình chị S để yêu cầu trả nợ nhưng đến nay vẫn chưa trả được. Đối với

khoản nợ của S thì chị S cùng gia đình đồng ý trả và yêu cầu bà P cũng có nghĩa vụ trong việc trả nợ cho S. Chị S yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Võ Gia T trình bày:

Chị T1 là con của ông Võ Văn C, hiện nay ông C đã chết. Thời điểm ông C vay S thì chị T1 không biết, sau này khi ông C bệnh thì có nói về việc vay S số tiền 3.500.000.000 đồng. Sau khi ông C chết thì S có liên hệ với gia đình chị để yêu cầu trả nợ nhưng đến nay vẫn chưa trả được. Đối với khoản nợ của S, chị T1 cùng gia đình đồng ý trả và yêu cầu bà P cũng có nghĩa vụ trong việc trả nợ cho S và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị Bích T2 trình bày:

Bà T2 là con của bà Lê Thị L, bà L có ký thuê các thửa đất số 52 và 53 của ông C để thuê mặt bằng làm xưởng sản xuất ván lạng, sau khi ông C chết thì có ký lại hợp đồng với bà Nguyễn Thị Thu H là vợ ông C để tiếp tục thuê đất, bà L là người ký nhưng người đứng ra để thỏa thuận với bà Hà là bà T2, khi thuê thì không có biết đất đang thế chấp cho S nên nay S khởi kiện yêu cầu ông C trả nợ và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ thì bà T2 không có ý kiến gì, nếu phân đất bà T2 đang thuê mà bị kê biên để thu hồi nợ thì bà T2 và chủ cho thuê sẽ tự thỏa thuận với nhau để giải quyết về hợp đồng thuê, không có yêu cầu giải quyết gì trong vụ án này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 82/2024/DS-ST ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước đã quyết định:

1. “Ghi nhận sự thống nhất của đại diện nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Buộc bà Nguyễn Thị P và ông Võ Văn C phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền nợ gốc là 3.500.000.000đ (ba tỉ năm trăm triệu đồng) theo hợp đồng tín dụng số 202327150465, ký ngày 28/06/2023. Do ông C đã chết nên những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông C có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S trong phạm vi di sản của ông C để lại.

Nghĩa vụ trả nợ cụ thể như sau:

- Bà Nguyễn Thị P có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S $\frac{1}{2}$ số tiền mà ông C và bà P đã vay của Ngân hàng là 1.750.000.000 (một tỉ bảy trăm năm mươi triệu) đồng và số tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/10/2024) là 213.297.199 (hai trăm mười ba triệu hai trăm chín mươi bảy nghìn một trăm chín mươi chín) đồng.

- Buộc bà Nguyễn Thị P, ông Vũ Phước V, bà Võ Thị Thu S và chị Võ Gia T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S nghĩa vụ về tài sản do ông C để lại theo kỷ phần mỗi người phải trả nợ là 437.500.000

(bốn trăm ba mươi bảy triệu năm trăm nghìn) đồng. Nghĩa vụ của những người kế thừa nghĩa vụ của ông C chỉ thực hiện nghĩa vụ trả nợ trong phạm vi di sản thừa kế ông C để lại. Sau khi thanh toán nếu phần nghĩa vụ trả nợ của ông C để lại mà vượt quá phạm vi di sản để lại thì những người kế thừa nghĩa vụ của ông C có thể dùng tài sản khác của ông C để thanh toán hết nợ, nếu không còn tài sản nào khác thì những người kế thừa nghĩa vụ của ông C không phải tiếp tục thực hiện phần vượt quá.

Nếu bà Nguyễn Thị P, ông Vũ Phước V, bà Võ Thị Thu S và chị Võ Gia T không thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng Thương mại cổ phần S có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp là thửa đất số 52, tờ bản đồ số 06, đất tọa lạc tại khu phố 1, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 857000, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 23295 và thửa đất số 53, tờ bản đồ số 06, đất tọa lạc tại khu phố 1, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 856928, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 28296 để thu hồi nợ theo quy định.

3. Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần S đối với yêu cầu ông C trả số tiền lãi tính đến ngày xét xử (ngày 30/10/2024) là 213.297.199 (hai trăm mười ba triệu hai trăm chín mươi bảy nghìn một trăm chín mươi chín) đồng...”;

Ngoài ra, Bản án còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 13/11/2024, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S (S) kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện H, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét giải quyết: sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (đối với phần lãi S yêu cầu ông C phải trả là 213.297.199 đồng) và sửa phần án phí dân sự sơ thẩm buộc S phải chịu với số tiền 10.664.860 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

S giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và yêu cầu khởi kiện, S đã tạo điều kiện tốt nhất cho gia đình bị đơn để đáo hạn nhưng thủ tục thừa kế đất gặp rất nhiều khó khăn do bố mẹ ông C chết đã lâu, không có giấy chứng tử nên không thể thực hiện được.

Anh Vũ Phước V thống nhất sẽ trả gốc và lãi theo yêu cầu của S nhưng đề nghị S xác định rõ sẽ giảm lãi cho gia đình là bao nhiêu, đồng thời đề nghị S hỗ trợ gia đình trong thực tục đáo hạn.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy

định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện H theo hướng chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn S và sửa án phí theo đúng quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của Ngân hàng thương mại cổ phần S (S) được nộp trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm, vì vậy Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước thụ lý và giải quyết phúc thẩm vụ án là đúng theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của S yêu cầu ông C và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông C phải trả đầy đủ tiền lãi theo hợp đồng tín dụng, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Quá trình xét xử ở Tòa án sơ thẩm, các đương sự đều thống nhất về hợp đồng tín dụng, quá trình thực hiện hợp đồng, các đương sự thống nhất về số tiền vay, số tiền gốc và lãi phát sinh đến ngày xét xử sơ thẩm, nghĩa vụ trả nợ của từng đương sự. Sau khi xét xử các đương sự không kháng cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét lại.

[2.2] Tòa án sơ thẩm xác định hợp đồng tín dụng giữa ông Võ Văn C và S bị chấm dứt do ông C chết theo quy định tại khoản 3 Điều 422 Bộ luật dân sự nên không buộc ông Võ Văn C và người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông C phải trả số tiền lãi phát sinh sau thời điểm ông C chết. Tuy nhiên, khoản 3 Điều 422 Bộ luật dân sự quy định hợp đồng chấm dứt trong trường hợp: *“Cá nhân giao kết hợp đồng chết, pháp nhân giao kết hợp đồng chấm dứt tồn tại mà hợp đồng phải chính do cá nhân, pháp nhân đó thực hiện”* có nghĩa là nếu chủ thể của hợp đồng là cá nhân chết mà theo quy định trong hợp đồng thì hợp đồng đó phải do chính cá nhân thực hiện, gắn liền với lợi ích nhân thân của cá nhân đó hoặc liên quan đến tay nghề, trình độ của cá nhân đó mà rất ít người có thể thực hiện được thì hợp đồng mới chấm dứt, còn trong trường hợp cá nhân chết mà nghĩa vụ trong hợp đồng không bắt buộc là cá nhân đó thực hiện hoặc có thể chuyển giao cho người khác thì hợp đồng vẫn tiếp tục thực hiện. Trong trường hợp này, nghĩa vụ thực hiện hợp đồng tín dụng có thể chuyển giao nên Tòa án sơ thẩm áp dụng khoản 3 Điều 422 Bộ luật dân sự để xác định hợp đồng tín dụng giữa S và ông C chấm dứt và không buộc ông C và người thừa kế trả lãi cho S là có sai lầm trong việc áp dụng pháp luật, cần sửa lại cho đúng.

Như vậy, Tòa án nhân dân huyện H không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn S đối với phần tiền lãi của ông C phát sinh sau thời điểm ông C chết là không đúng nên yêu cầu kháng cáo của S có căn cứ chấp nhận, cần sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 82/2024/DS-ST ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của S.

[3] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Do Bản án sơ thẩm bị sửa về phần nghĩa vụ nên án phí sơ thẩm cần được sửa lại cho phù hợp, cụ thể ông C và bà P được miễn án phí; S không phải chịu.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của S được chấp nhận nên S không phải chịu.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự, Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S (S).

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 82/2024/DS-ST ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Áp dụng các Điều 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 463, các điều 372, 422, 466, 468, 615, 616, 617, 618 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 37 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các điều 90, 91, 94 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Ghi nhận sự thống nhất của đại diện nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S (S), cụ thể:

Buộc bà Nguyễn Thị P và ông Võ Văn C phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S (S) tổng số tiền 3.926.594.398 (*Ba tỷ chín trăm hai mươi sáu triệu năm trăm chín mươi bốn nghìn ba trăm chín mươi tám*) đồng {trong đó số tiền nợ gốc là 3.500.000.000 (*ba tỷ năm trăm triệu*) đồng theo Hợp

đồng tín dụng số 202327150465 ký ngày 28/06/2023 và 426.594.398 (bốn trăm hai mươi sáu triệu, năm trăm chín mươi bốn nghìn, ba trăm chín mươi tám) đồng tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm}.

Do ông C đã chết nên những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông C có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần S (S) trong phạm vi di sản của ông C để lại.

Nghĩa vụ trả nợ cụ thể như sau:

- Bà Nguyễn Thị P có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S (S) $\frac{1}{2}$ số tiền mà ông C và bà P đã vay của S là 1.750.000.000 (một tỷ bảy trăm năm mươi triệu) đồng và số tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/10/2024) là 213.297.199 (hai trăm mười ba triệu, hai trăm chín mươi bảy nghìn, một trăm chín mươi chín) đồng.

- Bà Nguyễn Thị P, anh Vũ Phước V, chị Võ Thị Thu S và chị Võ Gia T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S (S) nghĩa vụ về tài sản do ông C để lại theo kỷ phần mỗi người phải trả nợ là 437.500.000 (bốn trăm ba mươi bảy triệu, năm trăm nghìn) đồng tiền gốc và 53.324.300 (năm mươi ba triệu, ba trăm hai mươi bốn nghìn, ba trăm) đồng tiền lãi, tổng cộng 490.824.300 (bốn trăm chín mươi triệu, tám trăm hai mươi bốn nghìn, ba trăm) đồng. Nghĩa vụ của những người kế thừa nghĩa vụ của ông C chỉ thực hiện trong phạm vi di sản thừa kế ông C để lại. Sau khi thanh toán nếu phần nghĩa vụ trả nợ của ông C để lại mà vượt quá phạm vi di sản để lại thì những người kế thừa nghĩa vụ của ông C có thể dùng tài sản khác của ông C để thanh toán hết nợ, nếu không còn tài sản nào khác thì những người kế thừa nghĩa vụ của ông C không phải tiếp tục thực hiện phần vượt quá.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà P, anh V, chị S và chị T1 còn phải chịu khoản lãi phát sinh của số tiền có nghĩa vụ thanh toán mà chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Nếu bà Nguyễn Thị P, anh Vũ Phước V, chị Võ Thị Thu S và chị Võ Gia T không thực hiện việc trả nợ cho (S) thì Ngân hàng thương mại cổ phần S (S) có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp là thửa đất số 52, tờ bản đồ số 06, đất tọa lạc tại khu phố 1, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 857000, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 23295 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp cho ông Võ Văn C ngày 08/7/2020 và thửa đất số 53, tờ bản đồ số 06, đất tọa lạc tại khu phố 1, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 856928, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 28296 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp cho hộ ông Võ Văn C ngày 08/7/2020 để thu hồi nợ theo quy định.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị P thuộc trường hợp được miễn án phí nên không phải chịu án phí;

- Ông Võ Văn C thuộc trường hợp được miễn án phí nên những người kế thừa nghĩa vụ của ông C không phải chịu án phí theo quy định.

- Ngân hàng thương mại cổ phần S (S) không phải chịu, hoàn trả lại 51.253.571 (*năm mươi một triệu, hai trăm năm mươi ba nghìn, năm trăm bảy mươi một*) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005041 ngày 22 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Ngân hàng thương mại cổ phần S (S) không phải chịu, được trả lại số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005640 ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

5. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, TDS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Nhum